

**HƯỚNG DẪN CHI TIẾT**  
**FORMAT ĐỀ THI NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ BẬC 3/6**  
**DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG SAU ĐẠI HỌC**

*(Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-ĐHNN-ĐT ngày 25/11/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế; căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ; căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ; căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)*

<b>Kỹ năng</b>	<b>Thời gian làm bài</b>	<b>Phần</b>	<b>Số câu hỏi</b>	<b>Định dạng bài thi</b>	<b>Mục đích đánh giá</b>
<b>NGHE HIỂU</b> (2 phần)	<b>20 phút</b>  15 câu hỏi	Phần 1 (10 điểm)	1 - 5	Nghe 5 đoạn hội thoại ngắn, chọn tranh đúng theo mô tả trong hội thoại.	Đánh giá kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ đích qua các loại hình hội thoại và tự thuật, nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề.
		Phần 2 (10 điểm)	6 - 15	Nghe các đoạn tự thuật có độ dài vừa phải, điền 10 từ vào chỗ trống (Thí sinh tự tìm ra từ để điền vào ô trống chứ không có từ gợi ý cho sẵn).	Nghe lấy thông tin chi tiết, thông tin cụ thể, và thông tin chính.
	<b>Tổng: 20 điểm</b>				
<b>ĐỌC HIỂU</b> (4 phần)	<b>60 phút</b>  30 câu hỏi	Phần 1	1-10	Trắc nghiệm lựa chọn Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi	Kiểm tra kiến thức về ngữ pháp, từ vựng.
		Phần 2	11 - 15	Đọc các loại hình văn bản khác nhau: bảng thông báo/biên báo/quảng cáo (dạng hình ảnh có chữ hoặc ít chữ). Thí sinh được yêu cầu chọn ra phương án diễn đạt/ giải thích nào phù hợp nhất với thông tin trong thông báo/biên báo/quảng cáo đã	Đánh giá kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt các thông tin theo yêu cầu của đề thi.

				cho.	
		Phần 3	16 - 20	<p>Đọc 1 bài khóa (200-250 từ) có 5 câu hỏi trắc nghiệm với các lựa chọn A, B, C, D (hoặc 5 nhận định đúng/sai so với nội dung văn bản).</p> <p>Thí sinh được yêu cầu chọn câu trả lời phù hợp với nội dung văn bản đã đọc.</p>	<p>Đọc lấy thông tin chi tiết và đọc hiểu ý chính.</p>
		Phần 4	21 - 30	<p>Đọc bài khóa và điền vào chỗ trống một từ thích hợp cho sẵn</p>	
		<b>Tổng: 30 điểm</b>			
<b>VIẾT</b> (2 phần)	<b>40 phút</b>	Phần 1	1-5	<p>5 câu cho sẵn và các từ gợi ý.</p> <p>Thí sinh được yêu cầu viết lại câu với cách diễn đạt khác có sử dụng từ gợi ý sao cho nghĩa của câu không thay đổi.</p>	<p>Đánh giá kỹ năng viết bằng ngôn ngữ đích, đặc biệt kỹ năng diễn đạt thông tin, tường thuật và mô tả.</p>
		Phần 2		<p>Viết thư/email khoảng 100-120 từ về những chủ đề quen thuộc trong đời sống.</p>	
		<b>Tổng: 30 điểm</b>			
<b>NÓI</b> (3 phần)	Khoảng <b>10-12 phút</b> cho mỗi thí sinh	Phần 1	2-3 phút	<p>Thí sinh được hỏi các câu hỏi về bản thân mình và nói về một chủ đề quen thuộc liên quan đến thí sinh.</p>	<p>Đánh giá khả năng diễn đạt ngôn ngữ đích của thí sinh thông qua giao tiếp trực tiếp với giám khảo, giao tiếp theo tình huống.</p>
		Phần 2	5 phút	<p>Thí sinh trình bày 1 chủ đề đã bốc thăm trong các chủ đề cho sẵn trên bài thi.</p>	
		Phần 3	3-5 phút	<p>Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề ở Phần 2. Thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình</p>	

		<b>Tổng: 20 điểm</b>			
<b>Tổng cộng</b>	<b>130 phút</b>	<b>100 điểm</b>			

**Điểm đạt:** Tổng điểm của 4 kỹ năng bằng 50, với điều kiện kỹ năng Đọc, Viết tối thiểu là 10; Nghe, Nói tối thiểu là 7.

**HƯỚNG DẪN CHI TIẾT**  
**FORMAT ĐỀ THI NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ BẬC 4/6**  
**DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG SAU ĐẠI HỌC**

*(Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-ĐHNN-ĐT ngày 25/11/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế; căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ; căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ; căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)*

<b>Kỹ năng</b>	<b>Thời gian làm bài/ Tổng số câu hỏi</b>	<b>Phần/ Điểm</b>	<b>Thứ tự câu hỏi</b>	<b>Định dạng bài thi</b>	<b>Mục đích đánh giá</b>	
<b>NGHE HIỂU</b> (3 phần)	<b>30 phút</b>  20 câu hỏi	Phần 1 (5 điểm)	1 - 5	Nghe 5 đoạn hội thoại ngắn không liên quan với nhau về nội dung.  - Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng (A, B hoặc C) để trả lời câu hỏi.	Đánh giá kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ đích qua các loại hình hội thoại và tự thuật, và nắm bắt được thông tin yêu cầu trong đề.	
		Phần 2 (5 điểm)	6 - 10	Nghe 5 đoạn tự thuật có độ dài vừa phải, ghép người nói đúng với nội dung có sẵn.		Nghe lấy thông tin chi tiết, thông tin cụ thể, và thông tin chính.
		Phần 3 (10 điểm)	11 - 20	Nghe các đoạn tự thuật/hội thoại có độ dài vừa phải, điền 10 từ vào chỗ trống (Thí sinh tự tìm ra từ để điền vào 10 ô trống).		
		<b>Tổng: 20 điểm</b>				
		Phần 1 (10 điểm)	1 - 5	Đọc đoạn văn ngắn và chọn câu trả lời đúng (A, B, C).	Đánh giá kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt các thông tin theo	
	Phần 2	6 - 10	Đọc đoạn văn có độ dài vừa			

<b>ĐỌC HIỂU</b> (4 phần)	<b>60 phút</b> 20 câu hỏi	(5 điểm)		phải. - Thí sinh được yêu cầu chọn ra phương án diễn đạt (A, B, C) phù hợp nhất với thông tin trong đoạn văn bản đã cho.	yêu cầu của đề thi.  Đọc lấy thông tin chi tiết và đọc hiểu ý chính.
		Phần 3 (5 điểm)	11 – 15	Đọc 1 bài khóa - Thí sinh được yêu cầu chọn câu trả lời đúng (A, B, C, D).	
		Phần 4 (10 điểm)	16 – 20	Đọc các loại hình văn bản khác nhau: bảng thông báo, biển hiệu, tờ rơi, quảng cáo, bài đọc có chủ đề đa dạng. Bài đọc có 5 chỗ trống tương ứng với 5 câu.  Thí sinh được yêu cầu điền câu đúng vào chỗ trống (có thể cung cấp nhiều hơn 5 câu để thí sinh chọn lựa)	
		<b>Tổng: 30 điểm</b>			
<b>VIẾT</b> (2 phần)	<b>70 phút</b>	Phần 1 (10 điểm)		Viết 1 văn bản đơn giản (email, notes, informal letter) 100-150 từ	Đánh giá kỹ năng viết bằng ngôn ngữ đích, đặc biệt kỹ năng diễn đạt thông tin, tường thuật và mô tả.
		Phần 2 (20 điểm)		Viết 1 bài luận (mô tả, tường thuật) dài 200-250 từ theo chủ đề cho sẵn.	
		<b>Tổng: 30 điểm</b>			
<b>NÓI</b> (3 phần)	Khoảng <b>10-12 phút</b> cho mỗi thí sinh	Phần 1 2-3 phút		Thí sinh được hỏi các câu hỏi về bản thân mình và nói về một chủ đề quen thuộc liên quan đến thí sinh.	Đánh giá khả năng diễn đạt ngôn ngữ đích của thí sinh thông qua giao tiếp trực tiếp với giám khảo, giao tiếp theo tình huống.
		Phần 2 5 phút		Thí sinh trình bày 1 chủ đề đã bốc thăm trong các chủ đề cho sẵn trên bài thi.	

		Phần 3 3-5 phút		Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề ở Phần 2. Thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.	
		<b>Tổng: 20 điểm</b>			
<b>Tổng cộng</b>	<b>160 phút</b>	100 điểm			

**Điểm đạt:** Tổng điểm của 4 kỹ năng bằng 50, với điều kiện kỹ năng Đọc, Viết tối thiểu là 10; Nghe, Nói tối thiểu là 7.